

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 12 – 2023
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 589/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 2004 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường T, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T1, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, Thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Nguyễn Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh Phan Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2023 theo số Giấy chứng nhận kết hôn 30/2023 ngày 21/02/2023. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T1 hay cờ bạc, ham chơi, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người sống một nơi từ tháng 6 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung, anh chị có 01 con chung tên là Phan Mẫn N, sinh ngày 06/01/2023, hiện nay con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Đối với anh Phan Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T, nhưng đến nay anh T1 vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phan Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị T, xét thấy, chị T và anh T1 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, số đăng ký 30/2023, nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp. Chị T cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do anh T1 cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn anh T1 không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị T và chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Phan Mẫn N, sinh ngày 06/01/2023, hiện nay con đang sống chung với chị T. Xét thấy, anh T1 vắng mặt nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ thể hiện việc nuôi con chung khi ly hôn, còn chị T hiện nay đang nuôi con, có đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị T trực tiếp nuôi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, anh T1 không trực tiếp nuôi con thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T yêu cầu là 1.500.000đ/tháng, còn anh T1 đã biết được yêu cầu này của chị T nhưng không có ý kiến phản hồi, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi theo yêu cầu chị T. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị T xác định không có, còn anh T1 không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của chị T.

[6] Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thanh T ly hôn với anh Phan Văn T1.

2/ Về con chung: Buộc anh Phan Văn T1 giao con chung tên là Phan Mẫn N, sinh ngày 06/01/2023 cho chị Nguyễn Thanh T nuôi.

Buộc anh Phan Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh T1 còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị T phải nộp. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0008455 vào ngày 13/10/2023, được đối trừ, chị T đã nộp đủ.

Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh